Bài 7 Kiểm soát lũ và sự giảm sút của nguồn cá tự nhiên

JUDITH EHLERT

Nghiên cứu này quan tâm đến nhận thức của người dân địa phương về việc "sống chung với lũ" cũng như khả năng đối phó với sự giảm sút của nguồn tài nguyên cá tự nhiên.

Đặc điểm của chế độ lũ đã thay đổi cùng lúc với sự can thiệp liên tục của con người vào hệ sinh thái tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Tăng cường kiểm soát lượng nước thông qua việc xây dựng các bờ kè đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự chuyển đổi từ vụ lúa nước sang hai hoặc ba vụ thâm canh với sản lượng cao và nâng cao tình hình kinh tế, phúc lợi xã hội cho toàn khu vực. Hầu hết nhà cửa của người dân địa phương được xây dựng trên các tuyến đê điều không còn bị ảnh hưởng do lũ và điều này đã làm cho cuộc sống của họ thuận tiện hơn. Khác với trước đây, khái niệm "sống chung với lũ" được hiểu là việc trồng trọt và canh tác phải hoàn toàn phụ thuộc và thích ứng với thời tiết và nguồn nước sẵn có thì ngày nay người dân đã hoàn toàn có khả năng kiểm soát lũ.Tuy nhiên, song song với sự thâm canh hóa trong sản xuất nông nghiệp cũng là những khác biệt không nhỏ về chế độ sinh thái-xã hội.

Sử dụng thuốc trừ sâu trong trồng lúa

Ảnh: Judith Ehlert (2008)

Theo nông dân và ngư dân địa phương, sự ô nhiễm nguồn nước từ thuốc trừ sâu sử dụng trong nông nghiệp và nước thải xả ra từ các khu công nghiệp và những trang trại nuôi cá xung quanh là nguyên nhân dẫn đến sự hủy diệt nhiều loài cá tự nhiên. Đặc biệt là đối với người dân không có đất sản xuất,

cuộc sống của họ tùy thuộc vào việc bắt cá tự nhiên trong mùa lũ để cải thiện nguồn thu nhập gia đình. Những cánh đồng ngập lụt vốn đã từng là môi trường sống rộng lớn cho nhiều loài cá khác nhau. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên cá tự nhiên này lại đang bị khai thác cạn kiệt. Nguyên nhân của sự giảm sút nghiêm trọng lượng cá bắt được là do việc xây dựng quá nhiều đê đập chống lũ cản trở sự di chuyển của lũ và từ đó ảnh hưởng đến sự di cư và sinh sản của các loài cá tự nhiên này. Hơn nữa, việc kiểm soát lũ cũng tạo điều kiện thúc đẩy các mô hình nuôi trồng thủy sản. Xét đến khía cạnh an ninh lương thực, xoá đói giảm nghèo và xuất khẩu quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã khuyến khích các hệ thống nuôi cá với quy mô lớn và nhỏ và các ngành công nghiệp chế biến tương ứng. Việc nuôi cá thành công đòi hỏi sự đầu tư lớn về tài chính, tuy nhiên, đồng thời lại làm rộng hơn khoảng cách kinh tế-xã hội ở vùng đồng bằng. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của ngành nuôi trồng thuỷ sản đã tạo nên "bẫy sinh thái", gây ra sự giảm sút nghiêm trọng nguồn tài nguyên cá tự nhiên: nuôi thủy sản dùng nguồn cá tự nhiên như cá tạp (cá phế phẩm) làm thức ăn cho cá nuôi; do vậy, việc nuôi thủy sản phụ thuộc rất lớn vào nguyên liệu sẵn có này. Những loài cá con tự nhiên bị khai thác quá mức qua việc sử dụng các thiết bị điện, hóa chất và các loại lưới có mắt lưới cực nhỏ. Các loài cá tự nhiên bị tuyệt chủng do nhu cầu ngày một nhiều hơn về nguồn thức ăn với giá rẻ cung cấp cho ngành công nghiệp nuôi trồng thủy sản. Theo truyền thống, bất cứ ai cũng có thể đánh bắt cá trên các ruộng lúa ngập nước trong mùa nước nổi. Tuy nhiên việc thâm canh hóa nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản thông qua kiểm soát lũ làm cho việc đánh bắt cá ở các cánh đồng ngập lụt

ngày càng trở nên khó khăn hơn đối với người dân không có đất.

Các mô hình nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ và lớn cũng như trồng lúa theo vụ mùa 3 vụ cần có hệ thống đê bao khép kín và điều này lại làm mất đi các khu vực ngập lũ do sự cản trở nguồn nước lũ tự nhiên chảy theo mùa của hệ thống đê bao. Việc mở rộng công nghiệp chế biến thủy sản ven sông Hậu đi đôi với việc tái định cư của cộng đồng ngư dân truyền thống sống dọc theo bên dòng sông này. Được chuyển đến các khu tái định cư nội địa, ngư dân không còn có được điều kiện tiếp cận trực tiếp với dòng sông nữa, nơi đã tạo ra nguồn sinh kế chính của họ từ công việc đánh bắt cá. Do vây, họ phải tìm kiếm công việc khác để thay thế. Do trình độ học vấn tương đối hạn chế nên nhiều dân ngư không đáp ứng đủ điều kiện để làm việc trong các công ty chế biến thủy sản.

Lúa vụ 3 làm giảm vùng ngập lũ

Ảnh: Judith Ehlert (2008)

Từ đó cho thấy, việc thay đổi mục đích sử dụng đất và quyền sở hữu đất là nhân tố chủ yếu xác định sự tiếp cận nguồn tài nguyên nước của một người. ĐBSCL là vùng tiêu biểu với tỉ lệ người dân không có đất canh tác ngày một gia tăng. Trong giai đoạn từ năm 1993 - 2002, tỷ lệ hộ gia đình không có đất canh tác trong khu vực đã tăng từ 16,9% đến 28,9%. Ngày càng có nhiều người phụ thuộc vào việc đánh bắt thuỷ sản như là một phần của sinh kế. Sự gia tăng dân số tạo thêm áp lực cho nguồn tài nguyên cá tự nhiên. Chính điều này làm cho kỹ năng và kiến thức đánh bắt cá trở thành một tài nguyên chiến lược mưu sinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngư dân không có đất sản xuất luôn cố gắng giữ bí mật kiến thức của họ về các khu vực có thể đánh bắt được nhiều cá nhất, các kỹ thuật mới trong đánh bắt, các loại mồi tốt nhất v.v. Họ chỉ chia sẻ kiến thức của mình cho họ hàng và luôn thận trọng không tiết lộ những điều đó với đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, cách thức đối phó này với việc giảm sút nguồn cá tự nhiên sẽ, tất nhiên, không mang tính bền vững lâu dài.

Có vẻ như việc làm thế nào để đảm bảo đời sống - một trong những yếu tố hợp pháp của chính sách nông nghiệp và kiểm soát lũ – lại đang mang đến một nghịch lý, đó là sự gia tăng chênh lệnh và khoảng cách xã hội. Ví dụ, liên quan đến sự nghèo đói, nguồn cá tự nhiên đóng vai trò quan trọng hơn nhiều so với việc nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên trong thực tế, việc đánh bắt cá để đảm bảo đời sống hàng ngày lại không được thừa nhận trong các chính sách phát triển theo định hướng tăng trưởng mạnh mẽ của vùng ĐBSCL. Đến nay, những sự đóng góp tiềm năng của nghề bắt cá đối với mục tiêu phát triển quốc gia về xóa đói giảm nghèo và cũng như an ninh lương thực vẫn chưa được đánh giá cao. Vì thế, việc tìm kiếm những giải pháp sinh thái khác không gây ảnh hưởng đến nguồn cá tự nhiên, vẫn còn đang để ngỏ và chưa nhận được sự quan tâm đúng mức.

Tài liệu tham khảo

EHLERT, J. (2011): Living with Flood: Local Knowledge in the Mekong Delta, Vietnam. Lit Verlag. (sắp phát hành)

GERKE, S. & J. EHLERT (2011) 'Local Knowledge as a Strategic Resource: Fisheries in the Seasonal Floodplains of the Mekong Delta, Vietnam'. In Menkhoff, T., Evers, H.-D., Yue Wah Chay & Eng Fong Pang (Eds.) Beyond the Knowledge Trap-Strategizing Knowledge as an Engine for Asia's Growth. World Scientific Publishing, New Jersey.

PHAM, C.H., EHLERS, E. & S.V. SUBRAMANIAN (2009): Dike System Planning: Theory and Practise in Can Tho City, Vietnam. ZEF Working Paper Series No 47. Bonn. Center for Development Research (ZEF). University of Bonn.

Là nhà nghiên cứu xã hội học, hiện tại tác giả là nghiên cứu sinh (ngành phát triển học) ở Trung tâm Nghiên cứu Phát triển ZEF, trường ĐH Bonn (CHLB Đức). Trong suốt quá trình làm nghiên cứu tiến sĩ của mình, cô tham gia vào giai đoạn I của dự án WISDOM từ năm 2007- 2010.